

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2017/HSPT
Ngày: 07/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên

Ngày 07/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 378/2017/HSPT ngày 12/7/2017 đối với bị cáo Lê Phát S do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y đối với bản án hình sự sơ thẩm số 94/2017/HSST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Lê Phát S**; giới tính: Nam; sinh năm: 1988; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 499/52 (407/100/19) đường Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký tạm trú: 22/5 phường TL, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 10/12; con ông Lê Hùng P và bà Tạ Kim Q; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền sự: (không)

Tiền án:

Ngày 19/6/2006, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 6 sáu tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 149/2006/HSST).

Ngày 08/01/2009, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm tù về tội “Cướp tài sản” (bản án số 14/2009/HSST).

Ngày 27/9/2011, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ 18/5/2011 (bản án số 212/2011/HSST); chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/02/2014 (do được giảm án 3 tháng), chưa nộp án phí.

Bắt, tạm giam: 12/4/2016;

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Những người có liên quan đến kháng nghị:

1. Ông **Trương Tấn T**; sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: 32/10, Khóm A, Phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

2. Bà **Hồ Thị O**; sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng số 92/CTr-VKS-HS ngày 10/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm số 94/2017/HSST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/3/2016, bị cáo Lê Phát S cầm theo một thanh sắt dùng cạy cửa để đi trộm cắp tài sản. Khi đến phòng trọ tại địa chỉ phường TX, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trương Tấn T và vợ là bà Tịnh K đang thuê để ở. Thấy cửa phòng khóa bên ngoài nên bị cáo Lê Phát S dùng thanh kim loại cạy cửa rồi vào phòng lấy một ví da màu nâu bên trong có một chứng minh nhân dân, một giấy phép lái xe, một thẻ ATM mang tên Tịnh K, một giấy phép lái xe mang tên Trương Tấn T, một giấy đăng ký xe mô tô biển số 67DA -1138 mang tên Trịnh M và một Ipad. Sau đó, bị cáo Lê Phát S bán Ipad cho một người chưa rõ lai lịch) với giá 1.100.000đ. Riêng ví da màu nâu bên trong có một chứng minh nhân dân, một giấy phép lái xe, một thẻ ATM mang tên Tịnh K, một giấy phép lái xe mang tên Trương Tấn T và một giấy đăng ký xe mô tô biển số 67DA-1138 mang tên Trịnh Minh T để tại phòng trọ của mình thì bị Công an thu giữ. Ông Trương Tấn T khai ngoài bị mất những tài sản trên thì còn bị mất một điện thoại di động hiệu Sky và 3.200.000 đồng tiền Việt Nam. Tuy nhiên bị cáo Lê Phát S không thừa nhận lấy một điện thoại di động hiệu Sky và 3.200.000đ tiền Việt Nam.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Phát S khai nhận trước đó đã thực hiện vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau: Ngày 08/02/2016 bị cáo Lê Phát S đến phòng trọ tại địa chỉ Khu phố 5,

phường HT, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Hồ Thị O làm chủ, phát hiện phòng trọ khóa cửa ngoài nên dùng thanh kim loại cạy cửa vào phòng lấy một điện thoại di động Samsung màu trắng và một điện thoại di động hiệu Nokia, 400.000đ tiền Việt Nam và giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Hoài N, là bạn trai của bà Hồ Thị O. Sau đó bị cáo Lê Phát S bán điện thoại di động hiệu Nokia cho một người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được 100.000đ. Riêng điện thoại hiệu Samsung, hai cái ví và giấy giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Hoài N, bị cáo Lê Phát S để ở phòng trọ của mình thì bị Công an thu giữ. Tại Cơ quan điều tra bà Hồ Thị O còn khai nhận ngoài số tài sản bị mất như trên thì chị còn mất một đôi bông tai bằng vàng 18k trị giá 800.000đ. Tuy nhiên, bị cáo Lê Phát S không thừa nhận đã lấy trộm đôi bông tai này.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 114/KLĐG ngày 20/4/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 1 bóp (ví) da có giá là 50.000đ;

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 213/KLĐG ngày 06/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 2 ví có tổng trị giá 40.000đ và chiếc điện thoại Samsung Galaxy VM SM-G313Hz có giá 70.000đ; 1 xe Wave màu đỏ biển số 93P1-44522 có biển số thật là 76G1-05527 số máy 074408, số khung 641593 có giá là 11.874.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Lenovo 319 có giá là 50.000đ; 1 cục sạc điện thoại dự phòng hiệu Xmobile XR02 có giá là 50.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 105/KLĐG ngày 10/3/2017 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 08/02/2017 kết luận: 1 điện thoại di động hiệu Nokia có giá là 100.000đ. Riêng 1 điện thoại di động hiệu Samsung, 1 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 2 phân, không có cơ sở định giá.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 106/KLĐG ngày 10/3/2017 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 31/3/2017 kết luận: 1 Ipad có giá là 1.100.000đ.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra vụ án Cơ quan điều tra còn thu giữ 1 tép chất bột màu trắng đựng trong ống nhựa tại phòng trọ của bị cáo Lê Phát S. bị cáo Lê Phát S khai nhận đây là ma túy mua của đôi tượng tên Tý (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại chân cầu vượt Quang Trung thuộc Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 150.000đ, để ở nhà sử dụng. Tại kết luận giám định số 1117/KLGD-H ngày 13/6/2016 “Chất bột màu trắng thu giữ của Lê Phát S và hình con dấu Công an phường Thạnh Lộc, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh gửi giám định có trọng lượng 0,1924g là chế phẩm Heroine”. Tại Công văn số 631/PC54-Đ6 ngày 17/11/2016 về việc giải thích nội dung trong Kết luận giám định ma túy số 1117/KLGD-H ngày 13/6/2016 như sau: “Chất bột màu trắng trong 1 đoạn ống nhựa được niêm phong bên ngoài có chữ ký Lê Phát S và hình

con dấu Công an phường Thạnh Lộc, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1924g loại Heroine”.

Tại bản cáo trạng số 92/CTr-VKS-HS ngày 10/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố truy tố bị cáo Lê Phát S về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 94/2017/HSST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Phát S phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 2 Điều 194, khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Phát S 2 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 7 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 9 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2016.

Ngoài ra, bản án còn tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Hồ Thị O số tiền 3.000.000đ, tuyên xử lý vật chứng, quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại.

Ngày 12/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, ban hành Quyết định số 02/QĐ-VKS kháng nghị với nội dung: Bị cáo S có 3 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, lần phạm tội này, bị cáo chiếm đoạt tài sản dưới 2.000.000đ nên các án tích chưa xóa được xác định là tình tiết định tội. Tòa án nhân dân Quận Y vừa sử dụng các án tích vừa là tình tiết định tội, vừa là tình tiết định khung tăng nặng là bất lợi cho bị cáo. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Y là đúng pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và xử phạt bị cáo với mức án từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo không có ý gì đối với kháng nghị mà chỉ đề nghị được xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo,

XÉT THẤY:

Bị cáo Lê Phát S là người có nhân thân không tốt, đã 3 lần bị Tòa án kết án về các tội chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, bị cáo vẫn không ăn năn, sửa đổi mà vẫn tiếp tục có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/3/2016, bị cáo Lê Phát S cầm theo một thanh sắt dùng cạy cửa để đi trộm cắp tài sản. Khi đến phòng trọ tại địa chỉ số 9/4, Tổ 19, Khu phố 5, phường Thạnh Xuân, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trương Tấn T và vợ là bà Tịnh K đang thuê để ở. Thấy cửa phòng bị khóa nên S dùng thanh kim loại (mang theo sẵn) cạy cửa vào phòng lấy trộm được một số tài sản và giấy tờ gồm:

-1 ví da màu nâu, bên trong có một chứng minh nhân dân, một giấy phép lái xe, một thẻ ATM mang tên Tịnh K, một giấy phép lái xe mang tên Trương Tấn T, một giấy đăng ký xe mô tô biển số 67DA -1138 mang tên Trịnh M;

-1 Ipad.

Sau khi trộm được số tài sản đã nêu, S mang chiếc Ipad bán cho một người không rõ lai lịch với giá 1.100.000đ; chiếc bóp da và các giấy tờ còn lại thì S để tại phòng trọ của mình.

Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc ví da bị cáo đã trộm của ông T có trị giá 50.000đ, còn chiếc Ipad có trị giá 1.100.000đ.

Trong quá trình điều tra, ông T khai còn bị mất một điện thoại di động hiệu Sky và 3.200.000đ. Tuy nhiên, lời khai của ông T không được S thừa nhận, Cơ quan điều tra cũng không thu thập được chứng cứ gì khác nên không đủ cơ sở để xác định S đã lấy trộm các tài sản này.

Vụ thứ hai:

Ngày 08/02/2016, Lê Phát S đến phòng trọ tại địa chỉ 26/3A, Tổ 52, Khu phố 5, phường HT, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Hồ Thị O làm chủ. Khi thấy phòng bị khóa, S dùng thanh kim loại (mang theo sẵn) cạy cửa vào phòng trọ lấy trộm được một số tài sản và giấy tờ gồm:

-1 điện thoại di động Samsung màu trắng;

-1 điện thoại di động hiệu Nokia;

-400.000đ;

-2 chiếc ví da;

-Giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Hoài N (là bạn trai của bà Hồ Thị O).

Sau khi lấy trộm được số tài sản đã nêu, S mang chiếc điện thoại di động hiệu Nokia bán cho một người không rõ lai lịch với giá 100.000đ. Còn chiếc điện thoại Samsung, hai cái ví và giấy giấy chứng minh nhân dân của ông Nam thì S để ở phòng trọ của mình.

Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc 2 chiếc ví da bị cáo đã trộm của bà O có giá trị 80.000đ, chiếc điện thoại Samsung có trị giá 70.000đ; chiếc điện thoại Nokia có trị giá 100.000đ;

Trong quá trình điều tra, bà O còn khai bị mất trộm một đôi bông tai bằng vàng 18k trị giá 800.000đ. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bà O, Cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ gì khác nên không đủ cơ sở để xác định S đã lấy đôi bông tai của bà O.

Bị cáo là người đã có tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản, ngày 19/6/2006, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 6 sáu tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 08/01/2009, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 27/9/2011, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong khi các án tích đã nêu chưa được xóa thì bị cáo lại tiếp tục trộm cắp nhiều lần, trộm cắp tài sản của ông T có trị giá 1.050.000đ và trộm cắp tài sản của bà O có trị giá 650.000đ.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Trong cả 2 lần phạm tội như đã nêu, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đều có trị giá dưới 2.000.000đ nên các án tích của bị cáo được xác định là yếu tố định tội. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” và kết án bị cáo theo khoản 2 Điều 138 là không chuẩn xác, gây bất lợi cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo có hành vi “phạm tội nhiều lần” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự là có thiếu sót. Vì các lẽ trên, cần chấp nhận kháng nghị, sửa án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra, ngoài hành vi trộm cắp và số tài sản bị cáo trộm cắp của bà O và ông T như đã được xác định ở phần trên, cáo trạng và bản án sơ thẩm còn nêu bị cáo còn tham gia 2 vụ trộm cắp khác, trộm cắp được 1 điện thoại Lenovo, 1 cục sạc pin điện thoại dự phòng, 1 xe mô tô SYM Alizabet nhưng không xác định được người bị hại. Mặt khác, bị hại T và O còn khai trình bị mất một số tài sản khác, ngoài số tài sản mà bị cáo đã thừa nhận lấy trộm của bị hại T và O. Tuy nhiên, cáo trạng và bản án sơ thẩm không xác định rõ ràng giới hạn về những hành vi bị truy tố và xét xử, không nêu rõ truy tố bị cáo về những hành vi nào, xét xử bị cáo về những hành vi nào. Thiếu sót này cần phải rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra vụ án, vào ngày 11/4/2016, khi khám xét Phòng trọ nơi S thuê tại địa chỉ 22/5, Tổ 13, Khu phố 1, phường Thanh Lộc, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an phường Thanh Lộc, Quận Y, giữ được của S một đoạn ống nhựa bên trong có chứa chất bột màu trắng. S khai nhận chất bột màu trắng đã nêu là ma túy S đã mua của đối tượng tên Tý (không rõ lai lịch) ở khu vực chân cầu vượt Quang Trung, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích để sử dụng cho thân bị cáo. Theo kết luận giám định số 1117/KLGD-H ngày 13/6/2016 và văn bản 631/PC54-Đ6 ngày 17/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chất bột màu trắng thu giữ được của S là ma túy có khối lượng là 0,1924g, loại Heroine. Bị cáo có 3 án tích chưa được xóa, đã tái phạm nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này được xác định thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo 7 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Sửa bản án sơ thẩm số 94/2017/HSST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Lê Phát S phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 2 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Lê Phát S 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 7 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2016.

2.Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC;

(1)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận Y; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (2)
- Dương sự: (2)
- Chi Cục THA Quận Y; (2)
- TAND Quận Y; (2)
- Công an Quận Y; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (23). (4)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân